

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TBV24B1**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02072**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Giáo dục Chính trị**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2456201160214	Trần Duy Bảo	04/05/2009				7.5	9.2				7.8		8.1
2	2456201160215	Lê Hoàng Bình	15/10/2009				9.5	9.2				8.8		9.0
3	2456201160216	La Thị Ngọc Diệp	17/12/2009				8.5	8.4				8.8		8.7
4	2456201160217	Bùi Thanh Duy	06/08/2006				9.5	10.0				9.0		9.3
5	2456201160218	Tô Hùng Duy	21/04/2008				7.5	5.6				9.5		8.2
6	2456201160219	Trương Thanh Duy	19/09/1999				10	10.0				9.0		9.4
7	2456201160220	Nguyễn Thái Tiến Đạt	05/05/2008				8.5	8.4				8.5		8.5
8	2456201160221	Võ Trần Duy Đô	23/12/2006				10	10.0				8.5		9.1
9	2456201160222	Hoa Quốc Hào	19/12/2009				8	7.6				8.5		8.2
10	2456201160223	Hồ Đăng Hùng	31/07/2009				6.5	4.4				7.3		6.4
11	2456201160224	Đồng Hiểu Khang	03/11/2009				0	0.0				CT		0.0
12	2456201160226	Nguyễn Chí Khiết	12/07/2006				10	10.0				9.5		9.7
13	2456201160227	Lâm Tuấn Kiệt	09/02/2006				9.5	10.0				8.3		8.9
14	2456201160228	Trương Ngọc Lễ	09/11/2009				5.5	9.6				8.8		8.6
15	2456201160229	Trần Phước Linh	20/12/2009				6	7.2				7.5		7.2
16	2456201160230	Ngô Phước Lộc	11/01/2005				10	9.2				9.3		9.4
17	2456201160231	Nguyễn Quang Minh	25/10/2009				6.5	9.2				7.0		7.5
18	2456201160232	Lâm Thị Mỹ Ngân	07/12/2007				6	9.6				0.0	7.8	8.0
19	2456201160233	Nguyễn Phạm Kim Nguyên	08/01/2009				7.5	9.2				8.3		8.4
20	2456201160234	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	29/06/2009				8	10.0				8.3		8.7
21	2456201160235	Lê Thị Huyền Nhi	03/10/2004				8	9.6				9.8		9.5
22	2456201160236	Nguyễn Trọng Phúc	28/08/2009				0	0.0				CT		0.0
23	2456201160237	Phan Huỳnh Hữu Phúc	01/12/2009				7.5	8.4				8.0		8.0
24	2456201160238	Đoàn Minh Phước	26/09/2009				6.5	7.6				7.3		7.3
25	2456201160240	Lê Thị Thu Quỳnh	27/01/2009				6.5	9.2				7.5		7.8
26	2456201160241	Đỗ Thanh Sang	03/12/2008				6	8.4				0.0	0.0	3.0
27	2456201160242	Phạm Quang Sử	04/07/2009				6	9.2				8.8		8.5
28	2456201160243	Đặng Thành Tánh	30/12/2006				10	10.0				9.8		9.9
29	2456201160244	Trần Thiện Tâm	25/01/2008				7	6.4				7.0		6.8
30	2456201160245	Đặng Chí Thảo	29/04/2009				9.5	10.0				9.0		9.3
31	2456201160246	Nguyễn Trung Thắng	31/07/2008				7.5	9.6				9.0		9.0
32	2456201160247	Nguyễn Chí Thiện	26/08/2006				10	10.0				9.5		9.7
33	2456201160248	Nguyễn Phú Thuận	12/05/2009				8	6.8				7.5		7.4
34	2456201160249	Nguyễn Minh Thương	28/10/2009				8	9.6				9.5		9.3
35	2456201160250	Phạm Thị Cẩm Tiên	27/02/2009				0	0.0				CT		0.0
36	2456201160251	Nguyễn Công Vinh	07/01/2009				6	9.2				9.5		9.0

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 28 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi